



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI
SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 14 - 41 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Bao bì Sông Đà) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bao bì - Công ty Sông Đà 12 theo Quyết định số 383/QĐ - BXD ngày 07 tháng 4 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000082, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi mã số doanh nghiệp thành số 0500436570, thay đổi ngành nghề kinh doanh và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi được cấp lần thứ 14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 do tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 3 828 440, (024) 3 3 521 290
- Fax : (024) 3 3 822 791

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 24 tháng 12 năm 2014 là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ các ngành nghề Nhà nước cấm);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn đồ uống; Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi (không bao gồm loại có hại cho phát triển nhân cách và sức khỏe con người);
- In ấn. Chi tiết: In bao bì;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, bao bì vật tư các loại;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh bao bì;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nghiền đá xây dựng, bột đá công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh vật tư;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Trọng San | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2016 |
| Ông Vũ Hữu Sùng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Lê Duy Hiếu | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Trọng Trãi | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Trọng Lợi | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2016 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| Ông Bùi Minh Tuấn | Trưởng ban Kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Quang Thiệu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Tuấn Quân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Trọng Trãi | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Trọng Lợi | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Trãi - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trọng Trãi
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 476/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 8 năm 2017, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 131.326.292.524 | 131.310.017.213 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 7.628.780.475 | 23.093.127.258 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.628.780.475 | 3.093.127.258 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 3.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 418.418.000 | 448.922.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 438.278.610 | 592.716.610 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (19.860.610) | (143.794.610) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 82.962.153.617 | 78.568.874.515 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 85.940.315.382 | 75.004.626.548 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 1.920.740.000 | 477.641.180 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 18.015.287.115 | 19.177.872.315 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (22.914.188.880) | (16.091.265.528) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 39.726.993.728 | 28.393.327.833 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 39.726.993.728 | 28.393.327.833 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 589.946.704 | 805.765.607 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 192.598.099 | 313.943.870 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 365.040.910 | 410.600.940 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 32.307.695 | 81.220.797 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 28.182.592.031 | 32.632.904.270 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 13.376.257.075 | 14.674.832.177 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 13.376.257.075 | 14.674.832.177 |
| Nguyên giá | 222 | | 54.077.569.473 | 53.059.449.074 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (40.701.312.398) | (38.384.616.897) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| Nguyên giá | 228 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 528.000.000 | 1.574.000.000 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 528.000.000 | 1.574.000.000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 13.812.828.710 | 15.646.259.612 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 29.537.033.203 | 29.537.033.203 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 1.000.000 | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 2.775.000.000 | 3.321.486.640 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2b | (18.500.204.493) | (17.212.260.231) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 465.506.246 | 737.812.481 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 465.506.246 | 737.812.481 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 159.508.884.555 | 163.942.921.483 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 21.481.583.417 | 17.872.570.883 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 21.481.583.417 | 17.872.570.883 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 12.007.723.874 | 10.980.544.450 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 1.512.787.665 | 1.275.645.620 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | - | 578.620.526 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.794.733.401 | 1.826.543.432 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 4.108.727.017 | 154.694.098 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15 | 766.673.325 | 3.010.149.135 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 290.938.135 | 46.373.622 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 138.027.301.138 | 146.070.350.600 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 138.027.301.138 | 146.070.350.600 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 80.457.440.000 | 80.457.440.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 80.457.440.000 | 80.457.440.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 42.261.553.850 | 42.261.553.850 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (308.195.830) | (308.195.830) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 19.403.956.567 | 19.337.142.914 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (3.787.453.449) | 4.322.409.666 |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 4.322.409.666 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (3.787.453.449) | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 159.508.884.555 | 163.942.921.483 |

Người lập biểu



Ngô Thị Phô

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Minh

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
| | | | Kỳ này | Kỳ trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 128.157.618.545 | 143.513.756.617 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 24.190.000 | 39.583.600 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 128.133.428.545 | 143.474.173.017 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 115.955.066.858 | 124.817.503.300 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 12.178.361.687 | 18.656.669.717 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 427.857.809 | 244.249.478 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 1.531.742.516 | 3.143.925.473 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 131.485.573 | 105.694.575 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 2.585.943.065 | 2.838.309.931 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 12.261.178.199 | 8.303.719.624 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (3.772.644.284) | 4.614.964.167 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 58.352.387 | 504.387.826 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 73.161.552 | 142.768.085 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (14.809.165) | 361.619.741 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (3.787.453.449) | 4.976.583.908 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | - | 1.224.136.771 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (3.787.453.449) | 3.752.447.137 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | - | - |

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Pho

Nguyễn Hồng Minh

Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Kỳ này | Kỳ trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (3.787.453.449) | 4.976.583.908 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9 | 2.316.695.501 | 2.451.361.915 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 7.986.933.614 | 5.367.351.013 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | (441.064) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | - | (22.579.172) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 131.485.573 | 105.694.575 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 6.647.661.239 | 12.877.971.175 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (11.121.729.322) | (6.967.551.903) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (11.333.665.895) | (7.845.716.751) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 2.203.392.458 | 1.210.474.740 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 393.652.006 | 562.513.397 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | 154.438.000 | (167.434.200) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (131.485.573) | (105.694.575) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.13 | (578.620.526) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | (36.800.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (13.766.357.613) | (472.238.117) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 160.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.2b | (1.000.000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | V.2b | 546.486.640 | 2.430.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | 70.579.160 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 545.486.640 | 2.660.579.160 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.15 | 54.813.719.794 | 43.181.775.294 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.15 | (57.057.195.604) | (52.292.077.019) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (48.203.555) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | | <u>(2.243.475.810)</u> | <u>(9.158.505.280)</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (15.464.346.783) | (6.970.164.237) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 23.093.127.258 | 14.772.941.685 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | 441.064 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | <u>7.628.780.475</u> | <u>7.803.218.512</u> |

Người lập biểu

Ngô Thị Pho

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Minh

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa; Kinh doanh vật tư, vận tải,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng có trụ sở chính tại Xóm Bằng Gà, xã Trường Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75,36%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà có trụ sở chính tại Số 25, phố Bùi Sỹ Tiêm, tổ 27, Thị trấn Đông Hưng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết là sản xuất sợi, vải dệt thoi và các sản phẩm từ nhựa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, vốn góp của Công ty tại công ty liên kết là 1.000.000 VND.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 199 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 201 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành. Chi phí sản phẩm dở dang được tính theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp, chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 3 – 6 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 2 - 5 |

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 82.823.171 | 125.188.073 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.545.957.304 | 2.967.939.185 |
| Các khoản tương đương tiền | 3.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 3.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Cộng | <u>7.628.780.475</u> | <u>23.093.127.258</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|---------------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| <i>Cổ phiếu</i> | 438.278.610 | 418.418.000 | (19.860.610) | 592.716.610 | 448.922.000 | (143.794.610) |
| Công ty Cổ phần Licogi 16 | | | | 154.438.000 | 39.700.000 | (114.738.000) |
| Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải | 438.278.610 | 418.418.000 | (19.860.610) | 438.278.610 | 409.222.000 | (29.056.610) |
| Cộng | <u>438.278.610</u> | <u>418.418.000</u> | <u>(19.860.610)</u> | <u>592.716.610</u> | <u>448.922.000</u> | <u>(143.794.610)</u> |

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|
| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
| Số đầu năm | (143.794.610) | (84.438.000) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | | (18.000.000) |
| Hoàn nhập dự phòng | 123.934.000 | |
| Số cuối kỳ | <u>(19.860.610)</u> | <u>(102.438.000)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 29.537.033.203 | (15.725.204.493) | 29.537.033.203 | (14.437.260.231) |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng ⁽ⁱ⁾ | 29.537.033.203 | (15.725.204.493) | 29.537.033.203 | (14.437.260.231) |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 1.000.000 | | | |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.000.000 | | | |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 2.775.000.000 | (2.775.000.000) | 3.321.486.640 | (2.775.000.000) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 2.775.000.000 | (2.775.000.000) | 2.775.000.000 | (2.775.000.000) |
| Công ty Cổ phần Lộc Ninh ^(iv) | | | 546.486.640 | |
| Cộng | 32.313.033.203 | (18.500.204.493) | 32.858.519.843 | (17.212.260.231) |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400273378 ngày 11 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp (thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 6 năm 2012), Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 28.200.000.000 VND, tương đương 75,36% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 29.537.033.203 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã đầu tư 29.537.033.203 VND, tương đương 75,40% vốn điều lệ thực góp của Công ty con.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001114139 ngày 24 tháng 5 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà 9.900.000.000 VND, tương đương 49,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 1.000.000 VND, tương đương 0,005% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà là 9.899.000.000 VND.

(iii) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 với số lượng cổ phiếu sở hữu là 125.000 cổ phiếu, tương đương 2.775.000.000 VND. Công ty đang tiến hành trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư này theo số liệu báo cáo tài chính năm 2012 do không thu thập được báo cáo tài chính các năm sau.

(iv) Trong kỳ công ty đã thu hồi toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Lộc Ninh số tiền 546.486.640 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty con đã ngừng hoạt động trong giai đoạn từ 1/12/2013 đến 28/7/2015. Từ ngày 29/7/2015, công ty con đã hoạt động trở lại. Trong 6 tháng đầu năm 2017, đơn vị đã có doanh thu, tuy nhiên vẫn lỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
| Số đầu năm | (17.212.260.231) | (15.127.375.102) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (1.287.944.262) | (2.889.351.013) |
| Số cuối kỳ | (18.500.204.493) | (18.016.726.115) |

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 85.940.315.382 | 75.004.626.548 |
| Công ty TNHH Dương Hồng | 10.228.581.129 | 10.348.581.129 |
| Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP | 30.149.875.047 | 29.530.924.527 |
| Nhà máy Xi măng Trung Sơn | | 10.466.971.862 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Trung Sơn | 10.341.510.474 | |
| Các khách hàng khác | 35.220.348.732 | 24.658.149.030 |
| Cộng | 85.940.315.382 | 75.004.626.548 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|--------------------|
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | 1.920.740.000 | 477.641.180 |
| Công ty cổ phần SADICO Cần Thơ | 1.760.000.000 | 407.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 160.740.000 | 70.641.180 |
| Cộng | 1.920.740.000 | 477.641.180 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 2.097.435.144 | (1.004.182.090) | 2.097.435.144 | (599.974.963) |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng | 2.097.435.144 | (1.004.182.090) | 2.097.435.144 | (599.974.963) |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 15.917.851.971 | (14.750.000.000) | 17.080.437.171 | (10.317.000.000) |
| Tạm ứng | 302.080.959 | | 195.830.451 | |
| Các khoản ký cược, ký quỹ | 440.210.033 | | 1.121.519.845 | |
| Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất(*) | 14.290.000.000 | (13.948.000.000) | 14.790.000.000 | (10.215.000.000) |
| Lãi dự thu | 10.833.333 | | 106.847.222 | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 874.727.646 | (802.000.000) | 866.239.653 | (102.000.000) |
| Cộng | 18.015.287.115 | (15.754.182.090) | 19.177.872.315 | (10.916.974.963) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Là khoản hợp tác đầu tư cùng với Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/8/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất (Bên A) với Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (bên B) về việc đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15.000 m² nằm trong tổng thể 21.290 m² đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên A làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Theo dự án trên Bên B góp 80% vốn. Giá trị vốn góp từng đợt phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng giai đoạn và nhu cầu thực tế triển khai dự án đầu tư. Hai bên thống nhất sẽ thành lập pháp nhân mới (là Công ty cổ phần) để quản lý toàn bộ dự án trên vào một thời điểm thích hợp do bên B quyết định sau khi bàn bạc với bên A. Tuy nhiên theo biên bản làm việc ngày 10 tháng 10 năm 2011 giữa hai bên thì bên B đề nghị bên A thanh toán số tiền còn lại do dự án chậm tiến độ. Tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, bên A còn nợ 14.290.000.000 VND.

6. Nợ xấu

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các bên liên quan</i> | <i>2.097.435.144</i> | <i>1.093.253.054</i> | <i>2.097.435.144</i> | <i>1.497.460.181</i> |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng | 2.097.435.144 | 1.093.253.054 | 2.097.435.144 | 1.497.460.181 |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>25.320.581.129</i> | <i>3.410.574.339</i> | <i>25.240.581.129</i> | <i>9.749.290.564</i> |
| Công ty TNHH Dương Hồng | 10.228.581.129 | 3.068.574.339 | 10.348.581.129 | 5.174.290.564 |
| Phải thu tiền góp vốn Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất | 14.290.000.000 | 342.000.000 | 14.790.000.000 | 4.575.000.000 |
| Phải thu Công ty TNHH Sản xuất Thương mại VTKS Xuân Minh | 102.000.000 | | 102.000.000 | |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 700.000.000 | | | |
| Cộng | 27.418.016.273 | 4.503.827.393 | 27.338.016.273 | 11.246.750.745 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Số đầu năm | (16.091.265.528) | (15.127.375.102) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (6.822.923.352) | (2.889.351.013) |
| Số cuối kỳ | (22.914.188.880) | (18.016.726.115) |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 22.218.634.874 | | 13.670.995.893 | |
| Công cụ, dụng cụ | 50.000.000 | | | |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 11.516.336.821 | | 8.953.881.765 | |
| Thành phẩm | 2.905.309.885 | | | |
| Hàng hóa | 3.036.712.148 | | 5.768.450.175 | |
| Cộng | 39.726.993.728 | | 28.393.327.833 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí LC chờ kết chuyển | 5.132.163 | 30.735.721 |
| Công cụ dụng cụ | 187.465.936 | 283.208.149 |
| Cộng | 192.598.099 | 313.943.870 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ dụng cụ đã xuất dùng | 66.585.405 | 166.611.452 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 334.865.611 | 502.298.431 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 64.055.230 | 68.902.598 |
| Cộng | 465.506.246 | 737.812.481 |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 8.587.518.537 | 42.237.468.731 | 1.982.759.307 | 251.702.499 | 53.059.449.074 |
| Mua trong kỳ | | 1.018.120.399 | | | 1.018.120.399 |
| Số cuối kỳ | 8.587.518.537 | 43.255.589.130 | 1.982.759.307 | 251.702.499 | 54.077.569.473 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 5.829.130.677 | 21.223.351.475 | 607.704.762 | 122.263.636 | 27.782.450.550 |
| Chờ thanh lý | | | | | |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 6.984.872.712 | 29.876.008.563 | 1.341.067.194 | 182.668.428 | 38.384.616.897 |
| Khấu hao trong kỳ | 83.887.836 | 2.082.358.325 | 137.505.456 | 12.943.884 | 2.316.695.501 |
| Số cuối kỳ | 7.068.760.548 | 31.958.366.888 | 1.478.572.650 | 195.612.312 | 40.701.312.398 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 1.602.645.825 | 12.361.460.168 | 641.692.113 | 69.034.071 | 14.674.832.177 |
| Số cuối kỳ | 1.518.757.989 | 11.297.222.242 | 504.186.657 | 56.090.187 | 13.376.257.075 |

Trong đó:

Tạm thời chưa

sử dụng

Đang chờ thanh

lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.518.757.989 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Căn cứ vào nghị quyết phê duyệt giá trị dự toán dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị phục vụ sản xuất số 28A/NQ-HĐQT ký ngày 10/02/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công ty có các cam kết mua sắm tài sản đã được duyệt số tiền là 3.080.000.000 VND theo hợp đồng kinh tế số 239/2016/HĐKT ký ngày 01/12/2016 và phụ lục hợp đồng kinh tế số 239A/2016/PLHĐKT ký ngày 16/12/2016 với Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ, trong đó số tài sản đã thực hiện được là 1.480.000.000 VND và số tài sản còn chưa thực hiện cuối kỳ này là 1.600.000.000 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Chi phí phát sinh | | Kết chuyển vào TSCĐ | | Kết chuyển giảm khác | |
|-------------------------|----------------------|-------------------|------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| | Số đầu năm | trong kỳ | trong kỳ | trong kỳ | giảm khác | Số cuối kỳ |
| Mua sắm tài sản cố định | 1.574.000.000 | 92.120.399 | (1.018.120.399) | (120.000.000) | | 528.000.000 |
| Cộng | 1.574.000.000 | 92.120.399 | (1.018.120.399) | (120.000.000) | | 528.000.000 |

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>12.007.723.874</i> | <i>10.980.544.450</i> |
| Công ty cổ phần TM- DV Lâm Anh | 7.105.244.978 | 7.425.638.708 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Tuấn Tài | 1.550.175.550 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 3.352.303.346 | 3.554.905.742 |
| Cộng | 12.007.723.874 | 10.980.544.450 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>1.512.787.665</i> | <i>1.275.645.620</i> |
| NORTH (Đan Mạch) | 1.479.424.865 | 1.240.011.420 |
| Các khách hàng khác | 33.362.800 | 35.634.200 |
| Cộng | 1.512.787.665 | 1.275.645.620 |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|--|--------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|------------|-------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | | | 263.616.798 | (263.616.798) | | |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | | | 5.181.418.092 | (5.181.418.092) | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 578.620.526 | | | (578.620.526) | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | | 81.220.797 | 48.913.102 | | | 32.307.695 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | | | 18.462.798 | (18.462.798) | | |
| Các loại thuế khác | | | 3.000.000 | (3.000.000) | | |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | | | 1.083.039 | (1.083.039) | | |
| Cộng | 578.620.526 | 81.220.797 | 5.516.493.829 | (6.046.201.253) | | 32.307.695 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (3.787.453.449) | 4.976.583.908 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 757.045.135 | 74.289.723 |
| Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất | 773.161.552 | 94.725.112 |
| Chi phí dự phòng không có hồ sơ đầy đủ | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Chi phí phạt vi phạm thuế, truy thu thuế | 700.000.000 | 1.161.552 |
| Chi phí phạt vi phạm thuế, truy thu thuế | 1.161.552 | 8.062.612 |
| Các chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh | | 14.662.500 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (16.116.417) | (20.435.389) |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ | | (441.064) |
| Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư tiền và phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm trước | (16.116.417) | (19.994.325) |
| Thu nhập chịu thuế | (3.030.408.314) | 5.050.873.631 |
| Thu nhập tính thuế | (3.030.408.314) | 5.050.873.631 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | | 1.010.174.726 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | | |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | | 213.962.045 |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | | 1.224.136.771 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>4.108.727.017</i> | <i>154.694.098</i> |
| Kinh phí công đoàn | 41.466.660 | 49.552.139 |
| Cổ tức phải trả | 4.011.031.500 | |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 56.228.857 | 105.141.959 |
| Cộng | 4.108.727.017 | 154.694.098 |

15. Vay ngắn hạn

Công ty chỉ có khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tây.

Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 35/2016/HĐTDHM/NHCT320-CT ngày 22 tháng 6 năm 2016 với mục đích thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, trả lương công nhân và thanh toán các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND. Khoản vay này được áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung là tiếp tục thế chấp các tài sản sau:

Toàn bộ hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc trên diện tích 9.836,9 m² đất tại Yên Nghĩa, Hà Đông thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐTC/CNHTY - STP ngày 21 tháng 01 năm 2016 và các biên bản định giá lại kiêm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo với giá trị: 1.837.000.000 VND.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | |
|-----------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 3.010.149.135 |
| Số tiền vay phát sinh | 54.813.719.794 |
| Số tiền vay đã trả | (57.057.195.604) |
| Số cuối kỳ | 766.673.325 |

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 46.373.622 | 113.173.622 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 244.564.513 | |
| Chi quỹ | | (36.800.000) |
| Số cuối kỳ | 290.938.135 | 76.373.622 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| Số đầu năm trước | 70.000.000.000 | 42.261.553.850 | (308.195.830) | 29.794.582.914 | (568.880.596) 3.752.447.137 | 141.179.060.338 3.752.447.137 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | 80.457.440.000 | 42.261.553.850 | (308.195.830) | 19.337.142.914 | 4.322.409.666 | 144.931.507.475 |
| Số dư cuối kỳ trước | | | | | | |
| Số dư đầu năm nay | 80.457.440.000 | 42.261.553.850 | (308.195.830) | 19.337.142.914 | 4.322.409.666 | 146.070.350.600 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | | | | | (3.787.453.449) | (3.787.453.449) |
| Trích lập các quỹ | | | | 66.813.653 | (311.378.166) | (244.564.513) |
| Chi cổ tức, lợi nhuận | | | | | (4.011.031.500) | (4.011.031.500) |
| Số dư cuối kỳ này | 80.457.440.000 | 42.261.553.850 | (308.195.830) | 19.403.956.567 | (3.787.453.449) | 138.027.301.138 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của các cổ đông | 80.457.440.000 | 80.457.440.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 42.261.553.850 | 42.261.553.850 |
| Cổ phiếu quỹ | (308.195.830) | (308.195.830) |
| Cộng | 122.410.798.020 | 122.410.798.020 |

17c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 8.045.744 | 8.045.744 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.045.744 | 8.045.744 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 23.681 | 23.681 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 23.681 | 23.681 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 8.022.063 | 8.022.063 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.022.063 | 8.022.063 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 như sau:

| | VND |
|-----------------------------------|-----------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : 4.011.031.500 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 66.813.653 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 244.564.513 |

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

18a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 344,28 USD (số đầu năm là 224,06 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán hàng hóa | 38.561.817.818 | 64.746.497.656 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 89.595.800.727 | 78.767.258.961 |
| Cộng | 128.157.618.545 | 143.513.756.617 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 38.364.459.404 | 61.120.732.291 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 77.590.607.454 | 63.696.771.009 |
| Cộng | 115.955.066.858 | 124.817.503.300 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 239.400.489 | 85.921.350 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 229.169.448 | 70.579.160 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 10.231.041 | 15.342.190 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 22.990.000 | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 165.467.320 | 157.887.064 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 441.064 |
| Cộng | 427.857.809 | 244.249.478 |

5. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 131.485.573 | 105.694.575 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 162.594.772 | 130.779.944 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 1.164.010.262 | 2.907.351.013 |
| Chi phí tài chính khác | 73.651.909 | 99.941 |
| Cộng | 1.531.742.516 | 3.143.925.473 |

6. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 185.000.000 | 360.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.400.943.065 | 2.477.102.659 |
| Các chi phí khác | | 1.207.272 |
| Cộng | 2.585.943.065 | 2.838.309.931 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 3.279.743.160 | 3.347.533.120 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 164.025.117 | 145.539.472 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 139.771.299 | 286.838.958 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 177.822.138 | 177.822.138 |
| Thuế, phí và lệ phí | 337.975.297 | 365.367.757 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi | 6.822.923.352 | 2.460.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 316.481.905 | 706.213.478 |
| Các chi phí khác | 1.022.435.931 | 814.404.701 |
| Cộng | 12.261.178.199 | 8.303.719.624 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền phạt vi phạm quy chế công ty | 2.100.000 | 2.900.000 |
| Các khoản thuế được hoàn | 38.749.800 | 147.955.210 |
| Xử lý công nợ lâu ngày | 1.134.000 | 353.532.616 |
| Thu nhập khác | 16.368.587 | |
| Cộng | 58.352.387 | 504.387.826 |

9. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | 47.999.988 |
| Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Lãi chậm nộp BHXH | 78.513 | 42.985 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 1.083.039 | 8.062.612 |
| Tiền phục hồi sức khỏe của nhân viên đã nghỉ việc trả lại BHXH | | 14.662.500 |
| Cộng | 73.161.552 | 142.768.085 |

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 66.199.214.905 | 52.162.504.337 |
| Chi phí nhân công | 11.897.224.920 | 10.388.889.535 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.316.695.501 | 2.451.361.915 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.627.515.356 | 5.686.004.128 |
| Chi phí khác | 8.959.533.092 | 4.387.968.526 |
| Cộng | 95.000.183.774 | 75.076.728.441 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương | 549.488.368 | 457.178.500 |
| Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác | 96.000.000 | 174.000.000 |
| Cộng | 645.488.368 | 631.178.500 |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội | Công ty do thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực kinh doanh | Cộng |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Kỳ này | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 89.595.800.727 | 38.537.627.818 | 128.133.428.545 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 89.595.800.727 | 38.537.627.818 | 128.133.428.545 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 12.005.193.273 | 173.168.414 | 12.178.361.687 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (14.847.121.264) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | (2.668.759.577) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 427.857.809 |
| Chi phí tài chính | | | (1.531.742.516) |
| Thu nhập khác | | | 58.352.387 |
| Chi phí khác | | | (73.161.552) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | (3.787.453.449) |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 2.589.001.736 | | 2.589.001.736 |
| Kỳ trước | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 78.767.258.961 | 64.706.914.056 | 143.474.173.017 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 78.767.258.961 | 64.706.914.056 | 143.474.173.017 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 15.070.487.952 | 3.586.181.765 | 18.656.669.717 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (11.142.029.555) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 7.514.640.162 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 244.249.478 |
| Chi phí tài chính | | | (3.143.925.473) |
| Thu nhập khác | | | 504.387.826 |
| Chi phí khác | | | (142.768.085) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (1.224.136.771) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 3.752.447.137 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | 18.000.000 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | 2.953.822.625 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực kinh doanh | Cộng |
|--|----------------------|------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 79.123.292.740 | 42.102.571.776 | 121.225.864.516 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 6.825.805.786 | 2.935.967.543 | 9.761.773.329 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 28.521.246.710 |
| Tổng tài sản | | | 159.508.884.555 |
| | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 12.007.723.874 | | 12.007.723.874 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 9.473.859.543 |
| Tổng nợ phải trả | | | 21.481.583.417 |
| | | | |
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 84.772.358.533 | 41.428.305.656 | 126.200.664.189 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 4.181.847.185 | 2.675.228.497 | 6.857.075.682 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 30.885.181.612 |
| Tổng tài sản | | | 163.942.921.483 |
| | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 10.980.544.450 | | 10.980.544.450 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 6.892.026.433 |
| Tổng nợ phải trả | | | 17.872.570.883 |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Khu vực trong nước | 116.241.002.590 | 133.664.574.958 |
| Khu vực nước ngoài | 11.892.425.955 | 9.809.598.059 |
| Cộng | 128.133.428.545 | 143.474.173.017 |

Các chi phí mua tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận phát sinh tại khu vực trong nước.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 35% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 39%). Các khách hàng khác có số dư dưới 15% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.628.780.475 | | | | 7.628.780.475 |
| Chứng khoán kinh doanh | | | | 438.278.610 | 438.278.610 |
| Phải thu khách hàng | 75.711.734.253 | | | 10.228.581.129 | 85.940.315.382 |
| Các khoản phải thu khác | 454.051.012 | | | 17.189.435.144 | 17.643.486.156 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | | | 2.775.000.000 | 2.775.000.000 |
| Cộng | 83.794.565.740 | | | 30.631.294.883 | 114.425.860.623 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 23.093.127.258 | | | | 23.093.127.258 |
| Chứng khoán kinh doanh | | | | 592.716.610 | 592.716.610 |
| Phải thu khách hàng | 64.656.045.419 | | | 10.348.581.129 | 75.004.626.548 |
| Các khoản phải thu khác | 1.928.592.840 | | | 16.989.435.144 | 18.918.027.984 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 546.486.640 | | | 2.775.000.000 | 3.321.486.640 |
| Cộng | 90.224.252.157 | | | 30.705.732.883 | 120.929.985.040 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 766.673.325 | | | 766.673.325 |
| Phải trả người bán | 12.007.723.874 | | | 12.007.723.874 |
| Các khoản phải trả khác | | | | |
| Cộng | 12.774.397.199 | | | 12.774.397.199 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 3.010.149.135 | | | 3.010.149.135 |
| Phải trả người bán | 10.980.544.450 | | | 10.980.544.450 |
| Các khoản phải trả khác | 105.141.959 | | | 105.141.959 |
| Cộng | 14.095.835.544 | | | 14.095.835.544 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------|--------------------|
| | USD | USD |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 344,28 | 224,06 |
| Phải thu khách hàng | 118.138,79 | 65.935,17 |
| Vay và nợ | (33.737,00) | (132.111,00) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | 84.746,07 | (65.951,77) |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|---------------------|
| | VND | USD | VND | USD |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.000.000.000 | | 20.000.000.000 | |
| Vay và nợ | | (33.737,00) | | (132.111,00) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần | 3.000.000.000 | (33.737,00) | 20.000.000.000 | (132.111,00) |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.628.780.475 | | 23.093.127.258 | |
| Chứng khoán kinh doanh | 438.278.610 | (19.860.610) | 592.716.610 | (143.794.610) |
| Phải thu khách hàng | 85.940.315.382 | (7.160.006.790) | 75.004.626.548 | (5.174.290.565) |
| Các khoản phải thu khác | 17.643.486.156 | (15.754.182.090) | 18.918.027.984 | (10.916.974.963) |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 2.775.000.000 | (2.775.000.000) | 3.321.486.640 | (2.775.000.000) |
| Cộng | 114.425.860.623 | (25.709.049.490) | 120.929.985.040 | (19.010.060.138) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 766.673.325 | 3.010.149.135 |
| Vay và nợ | 12.007.723.874 | 10.980.544.450 |
| Các khoản phải trả khác | | 105.141.959 |
| Cộng | 12.774.397.199 | 14.095.835.544 |

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngô Thị Pho
Người lập biểu

Nguyễn Hồng Minh
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2017
Nguyễn Trọng Trãi
Tổng Giám đốc